

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2019/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn:* Ông **Đỗ M. Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Chung cư N, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn:* Bà **Luân H. Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 59, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đỗ M và bà Luân H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Đỗ M có trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ D, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2004 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Bà Luân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2019.

Quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu giải

quyết bằng một vụ án khác.

2.3. **Về án phí:** Ông Đỗ M nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003858 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Đ;
- CC.THADS H. Đ;
- UBND xã C-K
tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng